

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 07 – 01 – 2021
V/v yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn An

Ông Nguyễn Hoài Phong

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 11 năm 2020, ngày 18 tháng 12 năm 2020 và ngày 07 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 477/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn H, sinh năm 1959; nơi cư trú: T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp X, xã K, huyện U1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị T; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Dương Thành Đ; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp X, xã K, huyện U1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Dương P; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp X, xã K, huyện U1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Anh Lê Hoàng B; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Chị Lê Thị D; nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Nguyễn Văn U thể hiện:*

Trước đây, ông và ông Dương Văn H phát sinh tranh chấp phần bờ ranh nên vào năm 2018 - 2019 đã khởi kiện yêu cầu ông H phải kê phần bờ ranh và yêu cầu ông H trả lại phần đất lấn chiếm là 44,6m². Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DS-ST ngày 25/3/2020 đã buộc ông H phải kê phần bờ ranh và trả lại diện tích đất lấn chiếm là 24,6m², vụ án có kháng cáo và được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm theo Bản án dân sự phúc thẩm số 147/2020/DS-PT ngày 30/6/2020 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi. Đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông H lấn chiếm đất và sử dụng trong 20 năm chưa được xem xét, giải quyết. Do phần bờ của ông có chiều ngang 2,0m nhưng bị ông H lấn chiếm 1,0m với chiều dài 21m - 22m nên không sên vuông bỏ lên bờ được đã gây thiệt hại các khoản, bao gồm:

- + Đất làm hồ nước 1.250.000 đồng/năm x 20 năm = 25.000.000 đồng.
- + Đất cát chái nhà 1.000.000 đồng/năm x 20 năm = 20.000.000 đồng.
- + Đất khoan cây nước 1.250.000 đồng/năm x 20 năm = 25.000.000 đồng.
- + Con bờ ông H sử dụng diện tích 24,6m² x 4.000.000 đồng/năm x 20 năm = 80.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông U yêu cầu ông H bồi thường là 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông U thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại đối với phần đất khoan cây nước số tiền 25.000.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu đối với các khoản thiệt hại khác.

** Theo văn bản giải trình, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa của ông Dương Văn H, thể hiện:*

Phần bờ ranh chung giữa phần đất của ông và của ông U trước đây có chiều ngang 3,0m; do ông U cho rằng phần bờ này là của ông nên đưa xáng vào mức đất lấn vào vách nhà và hồ nước của ông; hiện phần bờ có chỗ còn hơn 1,0m, có chỗ không còn bờ. Khi xây hồ nước thì ông không biết có lấn qua phần đất của ông U; quá trình xác minh đã xác định phần xây hồ nước có lấn qua phần đất của ông U nên Tòa án đã xét xử buộc ông, bà Nguyễn Thị T, anh Dương Thành Đ, chị Dương P trả lại diện tích đất 24,6m² và tháo dỡ, di dời một phần hồ nước, thu hoạch các cây trồng có trên phần đất.

Hiện phần đất của ông đang cho vợ chồng anh Lê Hoàng B, chị Lê Thị D thuê với giá 6.000.000 đồng/tháng nhưng khi anh B vào xô vuông thì ông U ngăn cản không sử dụng được phần đất nên anh B, chị D chưa trả tiền thuê đất trong thời gian 13 tháng là 78.000.000 đồng làm mất thu nhập nên yêu cầu ông U bồi thường số tiền này và không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông U.

** Đối với bà Nguyễn Thị T, anh Dương Thành Đ, chị Dương P, anh Lê Hoàng B và chị Lê Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt:* Do bận công việc, không có thời gian tham gia xét xử vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp các điều 584 và 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U, yêu cầu bồi thường thiệt hại do không sử dụng được phần đất tranh chấp trong thời gian 20 năm với số tiền là 125.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Văn H, yêu cầu ông Nguyễn Văn U bồi thường tiền thuê đất do anh Lê Hoàng B không thực hiện với số tiền là 78.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị T, anh Dương Thành Đ, chị Dương P, anh Lê Hoàng B và chị Lê Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn U thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại đối với phần đất làm cây nước với số tiền là 25.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông U là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 1992 ông Dương Văn H nhận chuyển nhượng phần đất của ông Huỳnh Văn L mặt tiền ngang 10 tầm, chiều dài 16 tầm liền kề với phần đất của ông Nguyễn Văn D (cha của ông U) có phần bờ ngang khoảng 3m. Năm 1994 ông H nhận chuyển nhượng thêm của ông L phần đất biên ở mặt tiền. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H làm thủ tục và được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng; quá trình sử dụng, ông H đã cải tạo phần đất, xây dựng nhà và các công trình trên đất chuyển nhượng. Phần đất của ông Nguyễn Văn U nhận thừa kế của ông Duyên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng liền kề với phần đất của ông H nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn L. Các bên sử dụng đến năm 2015 thì xảy ra tranh chấp, nguyên nhân là do ông H xây dựng hồ nước lấn qua phần đất. Sự việc đã được Tòa án hai cấp xét xử và Bản án dân sự phúc thẩm số 147/2020/DS-PT ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét thấy: Việc tôn trọng, duy trì ranh giới chung thuộc về trách nhiệm chung của cả hộ gia đình ông U và ông H; quá trình các đương sự sử dụng phần đất liền kề nhưng ranh giới chưa được xác định rõ ràng cho đến khi có bản án có hiệu lực pháp luật và được Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi tổ chức thi hành. Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 147/2020/DS-PT đã ghi nhận sự thỏa thuận về việc ông H làm lại bờ ranh diện tích ngang 1,5m, dài 198m cũng như buộc hộ gia đình ông H trả lại cho ông U diện tích đất 24,6m² và phải tháo dỡ, di dời một phần hồ nước, thu hoạch các cây trồng trên đất; bản án cũng xác định, tại thời điểm Tòa án giải quyết tranh chấp đất thì ông H đang cho anh Lê Hoàng B và chị Lê Thị D thuê đất. Do đó, đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo công văn số 154/CCTHA ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi thì bản án đã được tổ chức thi hành theo yêu cầu tự nguyện thi hành án của các đương sự và tại thời điểm thi hành đúng nội dung bản án đã tuyên, không có căn cứ xác định ông H cất chái nhà và khoan cây nước trên phần đất tranh chấp như lời trình bày của ông U.

Ngoài ra, căn cứ ông U khởi kiện yêu cầu ông H bồi thường là do ông H sử dụng lấn chiếm ranh đất để làm hồ nước, cất chái nhà và phần bờ ngang 1,0 m, chiều dài 21m -22m nên không nên được vuông dẫn đến không sản xuất và gây thiệt hại là chưa phù hợp vì bản thân ông H, ông U không tự xác định phần ranh giới phần đất và khi ông H sử dụng có lấn qua phần đất của ông U hay không; mặt khác, phần bờ tranh chấp không dài, trường hợp không thể nên vuông bỏ đất lên vị trí này thì ông U vẫn có điều kiện bỏ đất ở các vị trí khác để đảm bảo cho việc cải tạo, sử dụng đất. Ngoài ra, trong sự việc này, ông U chưa áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình nên cũng không được bồi thường khi ông H xây dựng hồ nước, trồng cây và sử dụng phần đất 24,6m² nằm trong giấy chứng nhận của ông U.

Do đó, việc ông U yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại 125.000.000 đồng là chưa phù hợp, không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông H xác định: Phần đất của ông đã cho anh Lê Hoàng B, chị Lê Thị D thuê thời hạn 08 năm kể từ tháng 6/2019 với mức thuê 6.000.000 đồng/tháng. Như vậy, việc trả tiền thuê đất cho ông H là nghĩa vụ của anh B, chị D; trường hợp anh B, chị D không trả thì ông H có quyền yêu cầu anh B, chị D thực hiện. Việc ông H cho rằng, do ông U ngăn cản, anh B, chị D

không sử dụng được đất nên chưa trả tiền thuê và ông với trách nhiệm là chủ đất có quyền yêu cầu ông U phải bồi thường số tiền thuê đất mà anh B, chị D chưa thực hiện là không phù hợp với Điều 584 của Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp này, khi có căn cứ chứng minh, việc ông U ngăn cản gây thiệt hại thì anh B, chị D có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với anh B, chị D mặc dù đã được tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh B, chị D không có ý kiến và không có yêu cầu gì khác nên ông H không có quyền trực tiếp yêu cầu ông U bồi thường thiệt hại do anh B, chị D không trả tiền; do đó, yêu cầu phản tố của ông H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U, yêu cầu phản tố của ông Dương Văn H và xem xét miễn toàn bộ án phí cho các đương sự. Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông U là thân nhân của liệt sĩ, ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên xét miễn toàn bộ cho các đương sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175, Điều 584 và khoản 5 Điều 585 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu ông Dương Văn H bồi thường số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Văn H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn U bồi thường số tiền 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông U và ông H (do thuộc trường hợp Đ miễn).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận Đ bản án hoặc Đ tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn